

## TÁNG TỤC MỘ CHUM Ở ĐÔNG NAM Á

Nguyễn Thị Hậu

Viện Khoa học Xã hội Nhân văn Tp.HCM

**TÓM TẮT:** Bài viết điểm lại những phát hiện về loại hình mộ táng bằng chum/vò ở các nước trong khu vực Đông Nam Á. Qua đó nêu lên những mối quan hệ, liên hệ trong không gian và thời gian của các văn hóa khảo cổ thời đại kim khí (khoảng từ 3000 đến 2000 năm cách ngày nay), bước đầu tìm hiểu ý nghĩa truyền thống của táng thức mộ chum ở Đông Nam Á. Táng thức này là một trong những đặc trưng cơ bản của văn hóa DNA thời tiền sử.

Táng tục mộ chum là hiện tượng phổ biến của cư dân cổ nhiều nơi trên thế giới. Nguồn gốc xuất hiện của táng tục này ở các khu vực văn hóa và trong các cộng đồng cư dân không cùng một thời điểm lịch sử, nhưng sự phát triển của nó lại có quan hệ mật thiết với nhiều vấn đề về tín ngưỡng tôn giáo, về thế giới quan và về những đặc trưng văn hóa của từng khu vực nói riêng và toàn vùng nói chung.

Từ thời kỳ tiền sử cho đến nay, Đông Nam Á là khu vực có những vấn đề địa lý – lịch sử – văn hóa liên quan chặt chẽ với nhau và có nhiều đóng góp quan trọng cho lịch sử loài người. Đặc biệt trong thời kim khí (gồm thời đại Đồng thau và thời đại đồ Sắt từ khoảng 4000 đến 2000 năm cách ngày nay) người ta dễ dàng nhận ra nhiều yếu tố văn hóa chung thể hiện sự thống nhất và cả những yếu tố văn hóa riêng – thể hiện tính đa dạng – trong mọi mặt đời

sống vật chất và tinh thần của cư dân nơi đây. Một trong vô vàn yếu tố văn hóa chung đồng thời lại chứa đựng hàng loạt các đặc điểm riêng biệt đặc trưng cho từng văn hóa khảo cổ hay từng khu vực cụ thể ở Đông Nam Á là táng thức mộ chum. Táng thức mộ chum/vò là hình thức dùng những chum/vò bằng gốm đất nung để chôn nguyên thi thể người chết (hung táng), than tro hỏa táng hay cài táng di cốt. Cũng có thể trong chum/vò chỉ có đồ tùy táng mà không có di cốt hay than tro (mộ tượng trưng).

**Điểm qua các khu vực mộ chum ở Đông Nam Á trong thời kim khí.**

**\*Việt Nam:** Táng thức mộ chum phân bố khá rộng rãi từ Bắc Trung bộ vào đến Nam bộ, trong các khu vực phân bố của văn hóa Sa Huỳnh ở miền Trung, văn hóa Đồng Nai ở miền Đông Nam bộ, văn hóa Lung Leng ở Tây Nguyên. Trên địa bàn

văn hóa Đông Sơn mộ vò có mặt từ Nghệ Tĩnh đến Quảng Bình – khu vực tiếp giáp văn hóa Sa Huỳnh.

Khu mộ chum được biết đến sớm nhất ở Việt Nam là di tích Sa Huỳnh thuộc tỉnh Quảng Ngãi, được người Pháp phát hiện và khai quật từ năm 1909. Văn hóa Sa Huỳnh phân bố trên các cồn cát ven biển từ Thừa Thiên – Huế vào đến Bình Thuận, phần lớn là những khu mộ táng chum/vò rộng lớn nhưng cũng có một số khu mộ nằm trong di chỉ cư trú ở vào giai đoạn sớm thuộc thời đại Đồng thau. Hầu hết mộ chum chôn đứng trên cùng một bình diện thành từng cụm sát nhau hay đơn lẻ từng mộ, không có hiện tượng mộ chôn chồng chất lên nhau. Chum gồm hình trụ hay hình trứng đều có nắp đậy cũng bằng gốm hình bán cầu hay hình nón cụt. Trong chum chứa đầy cát trắng và đồ tùy táng được xếp đặt có ý thức nhưng hầu như không có dấu vết di cốt hay than tro hỏa táng. Mặc dù có ý kiến cho rằng đây là những mộ hỏa táng nhưng theo đa số các nhà nghiên cứu, trừ một số ít mộ trẻ em chôn lần đầu, các di tích mộ chum trong văn hóa Sa Huỳnh có lẽ là loại hình mộ “tượng trưng” theo phong tục của dân cư ven biển.

Các di tích mộ chum trong văn hóa Lung Leng cũng có đặc điểm tương tự nhưng các chum gồm thường chôn đứng với 2 chum úp miệng vào nhau, kích thước

cũng nhỏ hơn chum/vò trong văn hóa Sa Huỳnh.

Ở các di tích khu vực Cần Giò (TP. Hồ Chí Minh) mộ chum phân bố trong di chỉ cư trú và cũng là nơi sản xuất đồ gốm. Mật độ mộ chum dày đặc và chôn chồng chất lên nhau nên có hiện tượng các ngôi mộ cắt phá nhau trên nhiều bình diện. Một số mộ chôn trong huyệt đất đất nằm cùng địa tầng với mộ chum. Mộ chum hình cầu không có nắp đậy, trong chum di cốt còn khá nguyên vẹn cho thấy sự phổ biến của tục hung táng, đồng thời cũng có mộ cải táng. Tại vùng đất đồ bazan Xuân Lộc (Đồng Nai) có một cụm di tích mộ chum mà đặc điểm vừa giống văn hóa Sa Huỳnh, vừa giống khu vực Cần Giò. Đồ tùy táng để cả trong và ngoài chum.

Trong văn hóa Đông Sơn, mộ vò tồn tại cùng nhiều loại hình mộ táng khác như mộ huyệt đất, mộ thuyền, mộ lát đá... thường là các vò táng úp miệng vào nhau và chôn nằm ngang, trong mộ không phát hiện được nhiều di cốt mà thường chỉ có một vài răng trẻ em.

**\*Philippines:** Tại quần đảo Philippines, truyền thống mộ chum phát triển liên tục và là táng tục cơ bản của thời tiền sử. Di tích mộ chum được tìm thấy trên nhiều đảo như Maridague, Samar, Batanes, Palawan... đặc biệt là phức hệ mộ chum hang Tabon. Các chum gồm được

chôn đứng trong những hang động trên núi cao sát bờ biển, trong chum có xương người và nhiều đồ tùy táng, nắp đầy thường bằng gốm và đá. Đặc biệt, đồ tùy táng là tượng gốm hình chim, hình nhà hay nắp đầy có tượng người chèo thuyền rất độc đáo.

**\*Indonesia:** Hệ thống mộ chum là một trong những yếu tố quan trọng của văn hóa tiền – sơ sử Indonesia. Tại đây, mộ chum được phát hiện cùng với mộ đất chôn nằm thẳng, nằm co, mộ cải táng... ngoài ra còn có cả mộ chum bằng đá. Mộ chum ở Indonesia có đặc điểm gồm hai vò úp vào nhau chôn đứng, bên trong đặt tử thi. Các di tích điển hình là Gilimunuk, Plawagan, Melolo và Anyer.

**\*Thái Lan:** Trong các di tích Nonnoktha, Ban Chiang, Ban NaDi, Ban Dontaphet... (Đông Bắc Thái Lan) đã xuất hiện mộ táng vò trẻ em. Đặc biệt, ở di tích Kam Luang và Non Yang, mộ chum phân bố với mật độ khá cao. Chum có nắp là một chum khác nhỏ hơn, trong chum còn chứa di cốt người. Đây là những chum hung táng và cải táng.

Ngoài ra, khu vực Đông Á đã tìm thấy mộ vò ở lưu vực sông Hoàng Hà trong văn hóa Ngưỡng Thiều (Trung Quốc) và trong giai đoạn Jomon trung kỳ ở Nhật Bản (Bắc Kyushu – văn hóa Di Sinh)... Cả hai khu vực này táng thức mộ chum không phổ

biến và chỉ thấy trường hợp mộ trẻ em. Ở bán đảo Triều Tiên mộ chum có mặt ở bờ biển phía Nam và khá khu biệt so với những vùng văn hóa khác ở bán đảo Triều Tiên. Ngoài các khu vực trên mộ chum còn có ở Đài Loan.

#### Một số đặc trưng cơ bản.

Ở Đông Nam Á, mộ chum phân bố thành một vòng cung rộng lớn ven biển. Bắt đầu từ Triều Tiên, Nhật Bản qua Đài Loan, mộ chum tập trung ở Philippines, Việt Nam rồi vòng xuống Indonexia. Táng tục này còn lan vào lục địa chủ yếu ở Đông Bắc Thái Lan. Nếu ở giai đoạn hậu kỳ đá mới, mộ chum có mặt ở những miền núi cao thì bước sang thời kim khí, nhất là trong thời đại đồ sắt khoảng 2500 năm cách ngày nay thì vị trí địa lý của các cư dân có táng tục này là ở ven biển hay ven sông lớn. Tuy nhiên, địa hình các di tích mỗi nơi mỗi khác: ở Philippines, mộ chum tập trung chủ yếu trên các hang động cao hàng chục mét so với mực nước biển; ở Indonesia, các di tích mộ chum thường nằm trên các dải cát ven biển; ở Việt Nam, mộ chum phân bố ở các cồn cát ven biển, các đồi gò bazan hoặc các giồng đất ở các vùng ngập mặn; ở Thái Lan, các di tích có mộ chum nằm ven sông Mêkong và các chi lưu của nó. Ngoài trừ các di tích mộ chum Cần Giờ phân bố trên vùng rừng ngập mặn địa hình thành tạo chưa ổn định, còn lại

các khu vực khác đều là những nơi có điều kiện sinh thái khá thuận lợi cho cuộc sống con người.

Có ba dạng kết cấu mộ chum:

- Các di tích thuần là mộ táng như hầu hết các di tích trong văn hóa Sa Huỳnh hay ở Philippines.

- Các di tích cư trú dần biến thành mộ táng như các di tích mộ chum Cần Giờ (văn hóa Đông Sơn), ở Indonesia.

- Các di tích cư trú có sự hiện diện của mộ chum, vò: chủ yếu trong khu vực lục địa như một số di tích thuộc văn hóa Đông Sơn hay ở Đông Bắc Thái Lan.

Phương thức mai táng mộ chum phân bố rộng và không hoàn toàn giống nhau. Ở Nhật Bản, Triều Tiên và trong văn hóa Đông Sơn, mộ vò thường có hình thức lồng miệng vào nhau (hai hay nhiều vò) chôn nằm ngang. Các khu vực khác đều là dạng chum chôn đứng có hoặc không có nắp đậy. Chum thường có kích thước vừa đến lớn, hình dáng chủ yếu là hình trụ và hình cầu. Ngoài ra, ở nhiều di tích ngoài mộ chum còn có một số táng thức khác như mộ đất, điển hình là ở Cần Giờ và Indonesia.

Tài liệu khảo cổ cho biết hầu hết các di tích mộ chum thuộc văn hóa Sa Huỳnh không thấy có di cốt người, trong khi đó ở các khu vực còn lại đều tìm thấy dấu tích

đi cốt trong chum. Như vậy, táng tục mộ chum có thể có 3 hình thức:

- Mộ chum hỏa táng (?) hay mộ tượng trưng: Văn hóa Sa Huỳnh.

- Mộ chum cải táng: rất phổ biến ở hải đảo và lục địa, phần lớn chum chứa di cốt cải táng của một cá thể, song cũng có trường hợp chứa di cốt của nhiều cá thể. Các di cốt này thường được bôi hay nhúng trong thổ hoàng. Trường hợp này gặp nhiều ở quần đảo Philippine hay Indonexia, gần đây phát hiện được ở khu mộ chum Cần Giờ và di tích Hòa Diêm (Cam Ranh, Khánh Hòa).

- Mộ chum hung táng: điển hình là ở Cần Giờ và một số di tích ở Indonesia: di cốt được chôn với tư thế ngồi bó gối đặt trong chum. Dạng mộ vò hung táng trẻ em phổ biến ở nhiều nơi.

Đáng lưu ý là ở Đông Nam Á lục địa, mộ chum thường được chôn dưới đất, còn nhiều di tích ở Đông Nam Á hải đảo, mộ chum lại được đặt lộ thiên trên nền đất trong hang núi sát bờ biển. Một táng thức khác cũng có hiện tượng này, đó là táng thức mộ thuyền (quan tài khoét rỗng từ một thân cây): ở Việt Nam, mộ quan tài gỗ hình thuyền được chôn ở vùng trũng; còn ở nơi khác ở Đông Nam Á và Nam Trung Quốc mộ thuyền để lộ thiên trong hang hoặc treo trên vách đá.

Mối quan hệ giữa các khu vực có cùng táng tục mộ chum ở Đông Nam Á thể hiện rõ nét trên đồ tùy táng. Dựa vào các loại hình đồ tùy táng cơ bản như đồ gốm, đồ trang sức, công cụ chúng ta có thể tìm ra mối liên hệ nguồn gốc cũng như sự giao lưu văn hóa – kỹ thuật ở Đông Nam Á trong thời đại kim khí.

Đồ gốm được các nhà khảo cổ học coi là “chữ cái của di tích khảo cổ”. Nghiên cứu sưu tập gốm ở hang Kalanay miền Trung Philippines, từ những năm 1950 Solheim II đã đưa ra khái niệm “*phức hệ (truyền thống) gốm Sa Huỳnh – Kalanay*”, nhấn mạnh nhiều điểm tương đồng về gốm giữa hai khu vực này cùng với những đặc điểm về hoa văn, loại hình, kỹ thuật khác với nhiều nơi khác ở Đông Nam Á. Đặc trưng cơ bản nhất của phức hệ gốm này là sự bảo tồn và phát triển mạnh mẽ các đồ án hoa văn khắc vạch, kết hợp in ấn – tô màu cho đến tận giai đoạn cuối của sơ kỳ đồ sắt. Cho đến nay, hầu như trong các di tích mộ chum, đồ gốm đều mang đặc điểm trên tuy về loại hình vẫn có sự khác biệt nhất định. Ví dụ ở Kalanay có loại hình cô hẹp, bình nổi vai gầy cắt vát hình hạt đậu, bình ba chân thấp... những loại hình này vắng bóng trong văn hóa Sa Huỳnh. Ngược lại, dạng đèn hay bình hoa, bình gầy góc ở thân miệng loe phổ biến trong văn hóa Sa Huỳnh lại không gặp ở Kalanay. Ở khu mộ

hang Tabon có nhiều tượng hình đầu chim, mái nhà, tượng người... khá gần gũi với tượng gốm hình 3, 4 đầu chim, các loại nắp gốm ở Cần Giờ nhưng chưa tìm thấy trong văn hóa Sa Huỳnh hay những di tích khác. Ngoài ra có thể kể đến các dạng chum táng khác nhau ở mỗi nơi.

Bên cạnh đồ gốm vừa giống vừa khác nhau, đồ trang sức tìm được trong các di tích mộ chum ở cả Đông Nam Á hải đảo và lục địa lại khá đồng nhất về loại hình và chất liệu. Đó là sự phong phú các kiểu hạt chuỗi, vòng đeo, khuyên tai bằng đá quý nephrite, jade hay mã não, thủy tinh. Đặc biệt, loại hình khuyên tai có máu và khuyên tai hai đầu thú (hai đầu trâu?) mà nhiều bằng chứng cho thấy được chế tạo tại Đại Lãnh (Quảng Nam) và tại Cần Giờ (Tp. Hồ Chí Minh). Một số loại hình trang sức như những hạt chuỗi vàng hình đốt trúc, hình quả bí, mảnh vàng chạm hoa văn chắc hẳn được trao đổi từ những vùng xa hơn như Ấn Độ... Đồ trang sức chôn theo mộ táng đã góp phần vào việc nhận biết sự phát triển và phân hóa xã hội ở giai đoạn này.

Nếu như đồ trang sức là loại tài sản khá phổ biến trong hầu hết các di tích mộ chum, thì công cụ – vũ khí bằng kim loại nhìn chung không nhiều. Chắc chắn đến giai đoạn này, công cụ vũ khí bằng kim loại giữ vai trò chủ đạo trong hoạt động

kinh tế – xã hội của cư dân cổ, vì vậy đã hạn chế phần nào việc sử dụng nó như các loại đồ tùy táng khác. Tuy nhiên, sự có mặt của số ít rìu đồng, giáo, kiếm sắt trong mộ chum đã biểu trưng cho địa vị, quyền lực của chủ nhân ngôi mộ đó. Loại hình công cụ đồng, sắt và các chất liệu khác như xương, vỏ nhuyễn thể... cho thấy sự giao lưu giữa các trung tâm của kỹ nghệ luyện kim như Đông Bắc Thái Lan – Đông Nam Bộ – Sa Huỳnh – Đông Sơn với nhau và với cả Đông Nam Á hải đảo.

#### **Ý nghĩa của táng tục mộ chum ở Đông Nam Á.**

Đặc trưng cơ bản của hoạt động lao động của con người là chế tạo công cụ lao động sản xuất, vũ khí và các vật dụng sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của đời sống. Khảo cổ học khi nghiên cứu về thời tiền sử, người ta (tạm) chia các di vật thành hai lĩnh vực:

- Di vật phản ánh đời sống vật chất (ăn, mặc, ở, đi lại, lao động sản xuất...).
- Di vật phản ánh đời sống tinh thần (tín ngưỡng, tôn giáo, nghệ thuật...).

Thế nhưng, càng ngày ta càng nhận thấy rằng, không thể có sự phân chia rạch ròi đâu là di vật thuộc về đời sống vật chất và đâu là di vật thuộc về đời sống tinh thần, bởi không có sự tách rời giữa hai lĩnh vực này trong cuộc sống con người. Mọi vật con người làm ra đều nhằm đáp ứng

cho nhu cầu vật chất cụ thể, đồng thời luôn hàm chứa một ý nghĩa nào đó đối với người làm ra và người sử dụng chúng. Ngược lại, bất cứ một hoạt động tinh thần nào của con người cũng được biểu hiện bằng hoặc thông qua một hình thức vật chất nhất định. Đơn cử ví dụ sau:

Một trong những dấu tích khảo cổ học quan trọng là di tích than tro – bếp lửa. Khi bắt gặp các di tích này, ta thường chú ý đến các di vật như mảnh gốm ám khói, tàn tích thức ăn (xương động vật, vỏ nhuyễn thể, phân tích bào tử phấn hoa thực vật...), các công cụ như rìu đá, chày và bàn nghiền... để qua đó tìm hiểu và rút ra nhận xét về cách thức ăn uống (thức ăn được nướng chín/ nấu chín hay ăn sống?), nguồn thức ăn ở đâu, gồm những gì, kiếm ăn bằng cách nào, xem độ dày, độ lớn của bếp lửa để đoán định thời gian cư trú và lượng dân cư ở đó... Tức là bước đầu nhận biết về phương thức kinh tế – lối sống của chủ nhân di tích. Tuy nhiên, ý nghĩa của dấu tích bếp lửa không chỉ có như vậy. Việc con người làm ra và sử dụng lửa được đánh giá là thành tựu văn minh quan trọng của thời nguyên thủy. Ngọn lửa vừa là vũ khí bảo vệ con người trước thú dữ, trước giá lạnh, trước sự sợ hãi của bản thân trong đêm tối, đồng thời, ngọn lửa còn là dấu hiệu của sinh hoạt cộng đồng, của sức mạnh đoàn kết cùng nhau chống lại mọi

hiểm nguy, bất trắc. Quây quần quanh ngọn lửa không chỉ để sưởi ấm, ăn uống mà còn để giao tiếp, trao đổi, bày tỏ... qua đó tăng cường mối quan hệ, liên hệ giữa những con người. Bếp lửa chính là “*không gian cộng cảm*” của loài người, từ cộng đồng nhỏ là gia đình đến cộng đồng lớn hơn như buôn, làng, bản sau này. Vì vậy, ngọn lửa đã trở thành biểu tượng thiêng liêng: trong gia đình bếp lửa gắn liền với vai trò của người phụ nữ/ người mẹ vì nó biểu hiện cho việc bảo vệ và duy trì sinh hoạt gia đình thông qua bữa ăn, tăng cường sự gắn bó tình cảm trong gia đình; sinh hoạt hàng ngày hay lễ hội của nhiều dân tộc và những lễ hội lớn của nhiều quốc gia cho đến nay không thể thiếu những hình thức của ngọn lửa hay những hoạt động quanh đồng lửa... Ngọn lửa trở thành biểu tượng của mối liên hệ gắn bó giữa các thế hệ, là ánh sáng cho loài người thoát khỏi tối tăm, u mê để đi tới văn minh.

Với cách tiếp cận văn hóa phi vật thể từ các dấu tích vật chất như vậy, đặt các di tích mộ chum Đông Nam Á thời kim khí trong mối liên hệ với hệ thống các biểu tượng liên quan đến mọi mặt của đời sống cư dân cổ ở đây ta có thể nhận biết được ý nghĩa gì của táng thức mộ chum?

Phương thức mai táng (táng thức) và đi liền với nó là nghi lễ tang ma (táng tục) là một trong một vài đặc trưng quan trọng

nhất của văn hóa khảo cổ và văn hóa tộc người (tất nhiên, không thể xem là đặc trưng duy nhất). Tài liệu Khảo cổ học và Dân tộc học đã cho biết trong một văn hóa khảo cổ hay trong một tộc người, có thể có nhiều táng thức khác nhau ở cùng một thời gian hay thay thế nhau qua những giai đoạn lịch sử. Tuy nhiên, táng thức và táng tục là hiện tượng văn hóa phản ánh khá rõ những quan niệm tín ngưỡng và sau này là ý niệm tôn giáo của con người. Thực chất, táng thức nào cũng hàm chứa tín ngưỡng về cái chết và sự sống, đó là thân xác con người cuối cùng trở thành tro bụi nhưng linh hồn thì bất tử, sau khi lìa khỏi thân xác sẽ tiếp tục cuộc sống ở một thế giới khác.

Táng thức mộ chum ở Đông Nam Á đã thể hiện khá đậm nét quan niệm này: những nắp chum trong hang Manuggui ở Philippines có trang trí tượng người chèo thuyền, đây là hình ảnh chiếc thuyền đưa người chết về thế giới bên kia. Nhiều tượng hình mái nhà, người nắm tay nhau ở nắp chum cũng thể hiện sự che chở, gắn bó của con người đối với linh hồn, được thể hiện trên nhiều loại hình đồ tùy táng như con chim – tượng hình chim 3,4 đầu, và con trâu – vật đeo hình đầu trâu mà ta quen gọi là khuyên tai hai đầu thú. Tại một số vùng dân tộc Đông Nam Á có quan tài có nắp hình đầu trâu, một số chi tiết kiến trúc trang trí trên các ngôi nhà hay ở nhà mồ

liên quan đến hình tượng con chim, con trâu... Đây là những con vật đưa đường cho người chết về thế giới tổ tiên, là biểu hiện cho sự hòa hợp giữa thế giới âm – dương, giữa người sống và người chết...

Hiện tượng xương cái táng được bôi hay nhúng nước thổ hoàng là quan niệm về sự trường sinh của linh hồn, liên quan đến nó là thế đặt người chết trong chum gốm, cách bố trí đồ tùy táng dưới chân, ở hai bên đầu. Phương thức cái táng, theo các tài liệu dân tộc học, đã được hình thành từ giai đoạn phát triển cực thịnh của xã hội nguyên thủy vào hậu kỳ thời đại đồ Đá và trở thành truyền thống bền vững của cư dân nông nghiệp Đông Nam Á. Ở táng tục này, tử thi thường để rửa hết thịt, sau đó nhặt xương đem chôn hay cất giấu ở một nơi, người cùng tộc để chung một chỗ để linh hồn khỏi bơ vơ, lạc lõng. Hiện tượng hòa táng chôn than tro xuất hiện muộn ở Đông Nam Á và không phổ biến rộng rãi.

Đặc biệt, phương thức hung táng trong chum gốm tròn hình cầu với tư thế ngồi bó gối cho thấy hình ảnh một đứa trẻ trong bụng mẹ. Đây là quan niệm về một vòng luân hồi mới, nhất là khi trong chum có khoét những lỗ tròn như cửa để linh hồn tiếp xúc với thế giới linh hồn và trở về mộ chum là ngôi nhà – nơi cư ngụ của linh hồn. Một đặc điểm chung khác là tục hung táng trẻ em trong chum, vò, không chỉ ở cư

dân có táng tục mộ chum và còn thấy ở nhiều nhóm cư dân có táng tục khác, càng làm cho quan niệm “khi chết được trở về lòng (đất) mẹ” rõ ràng hơn.

Lòng đất – bụng mẹ là một trong những biểu tượng rất phổ biến ở Đông Nam Á, được biểu hiện qua các vật thể quen thuộc như:

- Hang núi: là nơi cư trú của loài người thời nguyên thủy. Hình dáng hơi cong tròn, lòng hang to lớn, rộng, khả năng chứa đựng của hang đã trở thành nguyên mẫu cho dạ con – lòng mẹ, trở thành biểu tượng của cội nguồn: con người chui ra khỏi hang núi như ra khỏi lòng mẹ. Ban ngày đi kiếm ăn, tối trở về hang nghỉ ngơi, sáng mai lại bắt đầu một chu kỳ mới. Cứ thế, hang đá trở thành biểu tượng cho cội nguồn, tái sinh, giống như một đời người, ra đời từ trong lòng mẹ rồi khi chết đi lại trở về bụng mẹ để được sinh ra trong một kiếp khác. Ngoài ra, hang núi ở trên cao còn là biểu tượng của vũ trụ, là nơi đất trời giao nhau, con người cố thể giao tiếp với thần linh, với thế giới tổ tiên qua lỗ thông từ mái vòm hang trên đỉnh núi, nơi ánh sáng rọi vào hang tối.

- Quả bầu: truyền thuyết về quả bầu là cội nguồn của vạn vật cũng bắt đầu từ hình dáng tròn, rỗng lòng (khi để khô), đặc tính dễ trồng, mau lớn, sai trái của loài bầu bí. Khi khô trong lòng chứa hạt, từ hạt lại này



mâm... Quả bầu khô còn dùng để đựng nước, vì vậy, phải chăng việc làm đồ gốm là khởi nguồn từ việc bắt chước hình dáng và công dụng của quả bầu? Nếu cho rằng những nồi, vò đất nung nguyên thủy là vật thay thế, tương ứng với quả bầu thì việc chôn người chết (hoặc chứa than tro hỏa táng) trong các mộ vò, mộ chum chắc hẳn là biểu hiện cho sự khởi nguồn, sự tái sinh. Các lỗ nhỏ khoét trên thân và đáy chum chính là lỗ thoát hồn cho thể xác trong chum/ trong hang tối để đi đến miền ánh sáng.

*Như vậy, mộ chum với tục hung táng là biểu hiện của tín ngưỡng Mẹ/ khởi nguồn: chum gốm tượng trưng cho bụng mẹ – lòng mẹ, di cốt bố ngồi trong chum tượng trưng cho sự tái sinh.*

Những di tích mộ chum ở Đông Nam Á thường phân bố trên các địa hình cao ven biển hoặc ven các con sông lớn: cồn cát ven biển, giong đất, đồi gò ven sông, hang núi cao sát bờ biển... Sông, biển ở đây tượng trưng cho sự ngăn cách thế giới người sống và thế giới người chết. Liên quan đến sông nước là một vật dụng rất phổ biến ở Đông Nam Á: chiếc thuyền. Sống trong môi trường sông nước, cư dân Đông Nam Á thời cổ đã biết dùng một số loài thực vật làm phương tiện di chuyển trên sông biển: tre, nứa (loại cây thân rỗng) kết làm bè, mảng, thuyền độc mộc (thân

cây khoét rỗng) rồi tiến tới đóng những chiếc thuyền sâu lòng (rỗng lòng) lớn hơn, có thể vượt đại dương đi tới những vùng đất mới. Hình tượng chiếc thuyền trên trống đồng Đông Sơn, mối quan hệ văn hóa – tộc người của người Toraja ở đảo Sulawesi – Indonesia với Văn hóa Đông Sơn đã minh chứng cho điều đó. Chiếc thuyền trong văn hóa Đông Nam Á trở thành biểu tượng cho sự di chuyển, chuyên chở, sự an toàn trên sông nước, cũng là biểu tượng cho sự ra đi/ trở lại. Do vậy, mộ chum chôn ven sông, biển còn có ý nghĩa: chum gốm (rỗng lòng) là chiếc thuyền tiễn đưa người chết về thế giới tổ tiên. Trong các mộ chum ở Cần Giờ có chôn theo Cà ràng – loại bếp gốm độc đáo dùng trên ghe, thuyền; nắp đáy mộ vò ở hang Manungui đảo Palawan ở Philippine có núm cầm hình thuyền với 2 người đang chèo, mộ quan tài hình thuyền trong Văn hóa Đông Sơn... đều thể hiện ý nghĩa đó. *Như vậy, mộ chum ở Đông Nam Á là biểu tượng của chiếc thuyền thiêng, phương tiện đưa linh hồn người chết về với tổ tiên, là cầu nối thế giới người sống với thế giới người chết, biểu hiện một cách mãnh liệt sự cầu mong tái sinh hay chính là niềm tin về sự bất tử của con người.*

Như vậy, từ những đặc trưng táng tục mộ chum ở Đông Nam Á chúng ta có thể nhận thấy những biểu hiện chung về quan

niệm tín ngưỡng của cư dân cổ nơi đây. Đó là sự sùng bái linh hồn người chết, là sự biểu hiện mối quan hệ gắn bó giữa con người – linh hồn và biển cả, qua việc lựa chọn những loại hình cao ráo ven biển, ven sông để đặt khu mộ táng. Từ sự nhận biết một số đặc tính vật chất chung của các vật thể: hang núi – quả bầu – chum gốm – thuyền, qua tư duy cư dân cổ Đông Nam Á đã liên kết thành một chuỗi biểu tượng về lòng mẹ – sự sinh thành – sự sống – cái chết – sự tái sinh, thể hiện tín ngưỡng Đất Mẹ và sự bất tử của linh hồn. Đây cũng chính là mối bận tâm muôn thuở của loài người.

Giải thích về nguồn gốc và sự phát triển của táng tục mộ chum ở Đông Nam Á không thể không lưu ý đến điều kiện địa lý – sinh thái đặc thù của các di tích mộ chum, cùng với vai trò của quá trình tiếp xúc và giao lưu văn hóa ở khu vực này. Trước đây đã có quan niệm cho rằng, ở Đông Nam Á trong thời đại kim khí có một “văn hóa mộ táng vò” do cư dân có nguồn gốc từ Nam Trung Quốc di cư xuống phía Nam. Tuy nhiên, hiện nay nhiều nhà nghiên cứu tiền sử Đông Nam Á đã không đồng tình với quan niệm trên mà ngược lại, cho rằng sự phân tán của táng thức mộ chum gắn chặt với sự di chuyển của các nhóm cư dân thuộc ngữ hệ Nam đảo, dựa

vào sự so sánh về táng thức, táng tục và nhất là di vật tùy táng. Tuy nhiên, dù có chung táng tục mộ chum nhưng trên thực tế, mỗi khu vực khác nhau đều có những khác biệt về phương thức mai táng cụ thể, về dạng chum và nắp đậy, về cách xử lý di cốt, cách bố trí đồ tùy táng... vì vậy đã làm nên đặc trưng văn hóa riêng, biểu hiện cho sự phát triển nội tại của từng văn hóa khảo cổ – tộc người. Điều cần lưu ý hơn là niên đại các di tích mộ chum trong văn hóa Sa Huỳnh, văn hóa Đồng Nai ở Việt Nam không muộn hơn các di tích cùng loại hình ở Đông Nam Á hải đảo, thậm chí có những di tích còn có niên đại sớm hơn. Những mối quan hệ giao lưu văn hóa – kỹ thuật giữa những khu vực trong vùng Đông Nam Á chủ yếu qua con đường thương mại bằng đường biển, đường sông đã đóng vai trò to lớn trong sự phát triển và thay đổi văn hóa trong toàn vùng, tất nhiên trên cơ sở giữa các nền văn hóa khác nhau đã có sự tương ứng, đồng quy của nhiều yếu tố văn hóa. Thành ngữ của người Indonesia “**Thống nhất trong đa dạng**” đã thể hiện một đặc trưng nổi bật của văn hóa Đông Nam Á mà táng tục mộ chum vừa được khảo sát trên đây là một trong những điển hình của đặc trưng này trong thời kỳ tiền sử ở Đông Nam Á.

## THE CUSTOM OF BURYING IN VASES IN SOUTHEAST ASIA

Nguyen Thi Hau

Institute of Social Sciences of HCM city

**ABSTRACT:** *The article reviews the findings of the modal of burying in vases in Southeast Asia. From that, the relations in time and spaces of archeological cultures in the Metal Age (2000 to 3000 years in the past, initiating the researches in the custom of burying in vases in Southeast Asia.*

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam – Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. TP.HCM, *Khảo cổ học tiền sử và sơ sử thành phố Hồ Chí Minh*. Nhà xuất bản Trẻ, (1998).
- [2]. Vũ Công Quý, *Văn hóa Sa Huỳnh*, Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc, Hà Nội, (1991).
- [3]. Tạ Đức, *Nguồn gốc và sự phát triển của kiến trúc – biểu tượng và ngôn ngữ Đông Sơn*. Hội Dân tộc học Việt Nam – Hà Nội, (1999).
- [4]. R. Fox, *The Tabon Caves*. Monography of National Museum, Manila, (1970).
- [5]. P. Bellwood, *Prehistoric of the Indo – Malaysia Archipelago*. Adademic Press, New york, (1985).
- [6]. C.F.W Higham, *The bronze age of Southeast Asia*. The Cambridge University Press, Cambridge, (1996).